TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 01- 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Ông Phan Kiên Nhẫn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn anh Nguyễn Minh T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, anh và chị Nguyễn Thị Kim C tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 14/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị C có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, mặc dù anh và cha mẹ chị C đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị C không thay đổi dẫn đến mất hạnh phúc. Tháng 10/2021, chị C bỏ nhà ra ngoài sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không trở về đoàn tụ.

Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị C.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh và chị C có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Minh T3, sinh ngày 14/01/2010 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 29/7/2015, hiện anh đang nuôi dưỡng 02 cháu. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu T3, không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T1, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị C đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định, giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị C theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Anh T1 và chị C là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là do chị C có quan hệ cảm khác giới với người khác, không nghe lời khuyên nhủ của anh T1 và gia đình, bỏ nhà ra ngoài sinh sống, là vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa-nghĩa vụ vợ chồng. Anh T1 và chị C có thời gian sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ

thẩm, anh T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với chị C. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của anh T1. Căn cứ vào lời trình bày của anh T1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa anh T1 và chị C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh T1 và chị C.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh T1 và chị C có với nhau 02 người con chung là cháu T3 đã trên 13 tuổi và cháu P đã trên 07 tuổi đều có nguyện vọng được sống với anh T, hiện các cháu do anh T1 đang nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của anh T1. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt, cũng như nguyện vọng của các cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T3 và cháu P cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của anh T1 không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho con, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T1 giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết anh T1 phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Minh T1 và chị Nguyễn Thị Kim C.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2010 và cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2015 cho anh Nguyễn Minh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của anh Nguyễn Minh T1 không yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim C cấp dưỡng cho con.

2.3. Chị Nguyễn Thị Kim C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Minh T1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0000391 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Nguyễn Minh T1, vắng mặt chị Nguyễn Thị Kim C. Báo cho anh T1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị C vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã N: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.